

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định danh mục trang thiết bị y tế tối thiểu của trạm y tế tuyến xã

Căn cứ Luật quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, các điều kiện bảo đảm hoạt động và nhân lực của Y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho y tế tuyến cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và Phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định danh mục trang thiết bị y tế tối thiểu của trạm y tế tuyến xã.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về danh mục trang thiết bị y tế tối thiểu của trạm y tế tuyến xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) đáp ứng bộ tiêu chí quốc gia về y tế cơ sở.

Điều 2. Danh mục trang thiết bị y tế tối thiểu của trạm y tế tuyến xã đáp ứng bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Danh mục trang thiết bị y tế tối thiểu sử dụng tại trạm y tế tuyến xã tương ứng với 03 vùng quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia về y tế cơ sở được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3: Quy định áp dụng danh mục.

1. Người đứng đầu trạm y tế xã căn cứ vào danh mục trang thiết bị quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư này và nhu cầu thực tế về chuyên môn để xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và thực hiện đầu tư mua sắm bổ sung, nâng cấp trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành.

2. Ngoài danh mục trang thiết bị ban hành kèm theo Thông tư này, Trạm y tế xã có thể bổ sung các trang thiết bị cần thiết khác để phục vụ công tác chuyên môn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trên nguyên tắc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu sử dụng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2021.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Y tế của các Tỉnh/ Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng TTĐT CP);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, TBCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

.....

PHỤ LỤC

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TỐI THIỂU CỦA TRẠM Y TẾ TUYỂN XÃ ĐÁP ỨNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ CƠ SỞ

(Kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BYT ngày .../.../2020 của Bộ Y tế)

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
I	Khám bệnh, Sơ cứu, Cấp cứu, Tiêm				
1.	Bàn khám bệnh	Cái	01	01	01
2.	Máy đo đường huyết cá nhân	Cái	02	02	02
3.	Huyết áp kế	Bộ	01	01	01
4.	Ống nghe	Bộ	01	01	01
5.	Đèn khám bệnh	Cái	01	01	01
6.	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Cái	01	01	01
7.	Máy khí dung	Cái	01	01	01
8.	Bình ô xy + Bộ làm ấm có đồng hồ + Mask thở ô xy	Bộ	01	01	01
9.	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
10.	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
11.	Bộ nẹp chân	Bộ	02	02	02
12.	Bộ nẹp tay	Bộ	02	02	02
13.	Bộ nẹp cổ	Bộ	02	02	02
14.	Cáng tay	Cái	01	01	01
15.	Xe tiêm	Cái	01	01	01
16.	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
17.	Bàn tiểu phẫu	Cái	01	01	01
18.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	01	01	01
19.	Giá treo dịch truyền	Cái	02	02	02
20.	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
21.	Bộ mở khí quản cho người lớn	Bộ	01	01	01
22.	Bộ mở khí quản cho trẻ em	Bộ	01	01	01
23.	Bộ khám ngũ quan	Bộ	01	01	01
24.	Đèn khám treo trần (đèn clar)	Cái	01	01	01
25.	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Bộ	01	01	01

26.	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	Bộ	01	01	01
27.	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	Bộ	01	01	01
28.	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	Bộ	01	01	01
II	Sản, Kế hoạch hóa gia đình				
29.	Máy Doppler tim thai	Cái	01		
30.	Bàn đẻ và làm thủ thuật	Bộ	01		
31.	Bàn khám phụ khoa	Cái	01	01	
32.	Bàn khám sản khoa	Bộ	01	01	01
33.	Bàn đẻ dụng cụ	Cái	01	01	01
34.	Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh	Cái	01		
35.	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ	01	01	01
36.	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ	01	01	
37.	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Bộ	01	01	
38.	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	01		
39.	Bộ hồi sức trẻ sơ sinh	Bộ	01		
40.	Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ	01		
41.	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai	Bộ	01		
42.	Đèn khám đặt sàn (đèn gù)	Bộ	01		
43.	Cân trẻ sơ sinh	Cái	02	02	01
III	Y dược cổ truyền				
44.	Tủ đựng thuốc cổ truyền	Bộ	01	01	
45.	Giá, kệ đựng dược liệu	Bộ	01	01	
46.	Bàn chia thuốc theo thang	Bộ	01	01	
47.	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	01	01	
48.	Dụng cụ sơ chế thuốc đông y	Bộ	01	01	
49.	Máy điện châm	Cái	02	02	
50.	Cân thuốc	Cái	01	01	
IV	Thiết bị khác				
51.	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái	01	01	01
52.	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	01	01
53.	Tủ sấy	Cái	01	01	01
54.	Tủ bảo quản thuốc và vắc xin	Cái	01	01	01
55.	Giường bệnh	Cái	02	02	02
56.	Tủ đầu giường	Cái	02	02	02